TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2023/DS-PT.
Ngày: 18/4/2023.
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết, ông Trần Duy Phương.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Chức vụ: Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Vào các ngày 24/02/2023 và ngày 18/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2022/TLPT-DS ngày 10/11/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

Do bản án sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2023/QĐPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện T , tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Toàn T, sinh năm 1948. (Có mặt)

Địa chỉ: Đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Kiều Viết V, sinh năm 1981 và bà Vũ Thị Tố N, sinh năm 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: Đường D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn thì nội dung vụ án như sau:

**** Nguyên đơn ông Nguyễn Minh H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Toàn T trình bày:***

Ngày 26/7/2020 sau khi bàn bạc thống nhất ông Nguyễn Minh H và vợ chồng ông Kiều Viết V, bà Vũ Thị Tố N đã thống nhất ký hợp đồng dịch vụ số

01-2020/HĐCSVC. Theo bản hợp đồng ông Nguyễn Minh H đảm nhận việc áp dụng kỹ thuật, kinh nghiệm của nhà vườn miền Tây Nam Bộ để chăm sóc vườn cây có diện tích 45 héc ta tại thôn 8, xã Ea H, huyện B, tỉnh Đắk Lắk cho vợ chồng ông V, bà N gồm: Cam Sành 28 héc ta, Cam Xoàn 10 héc ta và Bưởi Da Xanh 07 héc ta. Thời hạn hợp đồng là 10 năm, kể từ ngày 26/7/2020. Theo hợp đồng:

- Bên A (ông V, bà N) đảm bảo 100% các chi phí đầu tư cho vườn cây về nhân công, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, điện, nước tưới, bảo vệ...

- Bên B (ông Nguyễn Minh H) có trách nhiệm đảm bảo việc áp dụng kỹ thuật, kinh nghiệm lâu năm của nhà vườn Miền Tây Nam Bộ để chăm sóc 45 héc ta Cam, Bưởi cho ông V, bà N bao gồm việc xác định cụ thể về thổ nhưỡng, khí hậu, từng giai đoạn phát triển của cây Cam, Bưởi... để lên kế hoạch tưới nước, bón phân, phun thuốc bảo vệ thực vật, cắt tỉa... và bố trí người theo dõi thực hiện kỹ thuật, kinh nghiệm nhà vườn để chăm sóc vườn cây đạt hiệu quả, năng suất tốt.

- Về doanh thu: Sau khi thu hoạch bán sản phẩm (trái cây) từng vụ sẽ chia cho các bên (không trừ chi phí đã đầu tư): Bên A được hưởng 95% và bên B được hưởng 5% tổng số tiền doanh thu sau khi bán Cam, Bưởi tại các vườn trong diện tích 45 héc ta trong hợp đồng.

- Hai bên (bên A và bên B) thống nhất cùng bàn bạc, chọn người mua và giá bán sản phẩm (Cam, Bưởi) khi thu hoạch từng vụ để được giá tốt nhất. Việc trả tiền theo tỷ lệ 05% cho bên B được thực hiện ngay sau khi thu hoạch và bán xong sản phẩm của từng đợt.

- Hai bên (bên A và bên B) thống nhất cam kết: Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải bồi thường 3.000.000.000 đồng cho bên B.

Bên B có quyền hủy hợp đồng, không phải bồi thường nhưng phải báo cho bên A biết trước 60 ngày.

Về thời gian làm việc hai bên thỏa thuận ông H không cần ở tại vườn cây 24/24 mà có thể tự sắp xếp thời gian, công việc phù hợp nhằm đảm bảo việc chăm sóc vườn cây của ông V đạt hiệu quả cao nhất.

Sau khi hợp đồng dịch vụ số 01-2020/HĐCSVC ngày 26/7/2020 được ký kết, ông H đã tiến hành việc áp dụng kỹ thuật, kinh nghiệm lâu năm của nhà vườn Miền Tây để chăm sóc vườn cây Cam Sành, Cam Xoàn, Bưởi Da Xanh diện tích 45 héc ta của ông V, bà N cây trồng sinh trưởng tốt, đạt năng suất cao. Có những loại cây trồng đã cho thu hoạch và có loại đang ra bông. Trong khoảng thời gian làm việc tại vườn cây của ông V, ông H chủ yếu làm việc với ông Nguyễn Mạnh H và ông Phạm Văn N là phó quản lý toàn bộ vườn cây của ông V, ông H có biết một số người quản lý từng khu vực vườn cây cụ thể của ông V do khi mới đến làm việc ông có đi thăm toàn bộ 45ha vườn cây của ông V nhưng ông H không rõ họ tên, không làm việc với những người này.

Từ khi thực hiện hợp đồng tại các vườn cây Cam, Bưởi diện tích 45 héc ta đến tháng 01/2021. Ông V, bà N đã thu hoạch vụ tháng 12/2020 bán được

khoảng 5.000.000.000 đồng, thu hoạch vụ 02 từ tháng 10/2021 đến tháng 12/2021 bán được khoảng 10.000.000.000 đồng. Trong hai đợt thu hoạch và bán sản phẩm này ông V, bà N tự quyết định việc lựa chọn người mua và bán sản phẩm sau khi thu hoạch, không cho ông H tham gia bàn bạc theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Mặt khác, từ khi bên A (ông V, bà N) thu hoạch, bán xong trái cây đợt 1 (vào tháng 11, 12/2020) được khoảng 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng), thu hoạch vụ 02 từ tháng 10/2021 đến tháng 12/2021 bán được khoảng 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), bên A vẫn không thanh toán tiền theo tỷ lệ 5% cho ông H, mặc dù ông đã nhiều lần điện thoại, nhắn tin yêu cầu gặp giải quyết nhưng bên A vẫn cố tình lẩn tránh hoặc khất lần không giải quyết. Mãi đến ngày 01/12/2021 ông V mới chuyển khoản thanh toán cho ông H 35.000.000 đồng.

Ngày 07/01/2021 ông Kiều Viết V đơn phương tuyên bố chấm dứt hợp đồng dịch vụ số 01-2020/HĐCSVC với ông Nguyễn Minh H với lý do ông V nói đã nắm được kỹ thuật, kinh nghiệm, phương pháp chăm sóc cây Cam, Bưởi Da Xanh, không cần liên kết với ông H và cam kết bồi thường hợp đồng tổng số tiền 500.000.000 đồng, trong đó: 200.000.000 đồng là tiền ông V thanh toán lại cho ông H tiền mua thuốc, phân bón trước đây ông V mượn của ông H; 300.000.000 đồng là tiền công trong thời gian ông H làm việc cho ông V. Nhưng thực tế đến nay ông V vẫn tìm cách lẩn tránh không gặp ông H để giải quyết, đồng thời không cho ông H vào làm việc trong vườn cây theo hợp đồng đã ký.

Do ông V tự ý hủy hợp đồng, không thực hiện thỏa thuận nên ông H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn buộc vợ chồng ông Kiều Viết V, bà Vũ Thị Tố N phải bồi thường cho ông Nguyễn Minh H số tiền 3.000.000.000 đồng về hành vi vi phạm hợp đồng dịch vụ số 01-2020/HĐCSVC ngày 26/7/2020. Thanh toán cho ông Nguyễn Minh H số tiền 05% giá trị bán trái cây một vụ ước tính như sau:

- 28 hecta Cam sành thu bình quân 24,5 tấn/vụ với giá 9.000đồng/kg = 6.174.000.000 đồng.

- 10 hecta Cam soàn thu bình quân 25,5 tấn/vụ với giá 15.000 đồng/kg = 3.825.000.000 đồng.

- 7 hecta Bưởi da xanh thu bình quân 13 tấn/vụ với giá 30.000 đồng/kg = 2.730.000.000 đồng.

Tổng cộng là: 12.729.000.000 đồng.

05% giá trị trái cây là: 05% x 12.729.000.000 đồng = 636.450.000 đồng.

Tổng số tiền ông Kiều Viết V và bà Vũ Thị Tố N phải trả cho ông Nguyễn Minh H là: 3.000.000.000 đồng + 636.450.000 đồng - 35.000.000 đồng = 3.601.450.000 đồng.

**** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Kiều Viết V trình bày:***

Ông thừa nhận ngày 20/7/2020 ông và vợ là Vũ Thị Tố N có ký hợp đồng chăm sóc vườn cam số 01/2020 với ông Nguyễn Minh H ở địa chỉ ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Nội dung: Ông V có vườn cây ăn trái gồm: Cam sành 28 héc ta, Cam Xoàn 10 héc ta, Bưởi Da Xanh 07 héc ta. Ông V giao toàn bộ khâu kỹ thuật cho ông H lo. Ông V chịu 100% chi phí từ nhân công, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, điện tưới, trông giữ.

Trách nhiệm của ông H từ ngày ký hợp đồng phải chịu trách nhiệm về kỹ thuật chăm sóc vườn cây, cử người theo dõi và lên kế hoạch chăm sóc vườn cây khoa học, hiệu quả.

- Về doanh thu: Ông V được hưởng 95% trên tổng doanh thu trên tổng diện tích đất hai bên ký hợp đồng canh tác. Ông H được hưởng 5% tổng doanh thu trên tổng diện tích đất hai bên ký hợp đồng canh tác (không trừ các chi phí đầu tư). Địa điểm khu đất thuộc thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Diện tích đất ông H nhận lo kỹ thuật là 45 héc ta, thời hạn hợp đồng là 10 năm. Trách nhiệm của ông V phải thanh toán đầy đủ cho ông H 5% giá trị trái cây bán ra sau khi thu hoạch xong. Thu hoạch xong lô nào, ông V sẽ thanh toán dứt điểm theo tỷ lệ % cho ông H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên ông V không được đơn phương hủy hợp đồng. Nếu ông V đơn phương hủy hợp đồng phải bồi thường cho ông H số tiền 3.000.000.000 đồng.

Ông H có quyền hủy hợp đồng và không phải bồi thường cho ông V với điều kiện phải thông báo cho ông V trước 60 ngày.

Vào khoảng từ tháng 9, tháng 10/2020 thời điểm dịch COVID ông H tự động bỏ về quê không thông báo rõ ràng cho ông V.

Ý kiến của ông Kiều Viết V là: Đối với khoản tiền bồi thường do hủy hợp đồng là 3.000.000.000 đồng, ông V không chấp nhận vì ông không đơn phương và không có nhu cầu hủy hợp đồng mà do ông H tự bỏ về quê.

Đối với khoản chia 5% trái cây bán: Ông V không chấp nhận vì từ tháng 9, tháng 10/2020 ông H bỏ không lo kỹ thuật, còn những vườn ông H lo kỹ thuật cây chưa ra bông, ra trái.

Ông V có nguyện vọng tiếp tục mời ông H lên lo khâu kỹ thuật cho vườn Cam, Bưởi của ông V.

- Bị đơn bà Vũ Thị Tố N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên không lấy được lời khai. Tại phiên tòa phúc thẩm bà N có mặt, đồng ý với lời trình bày của ông V, không bổ sung gì thêm.

**** Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Phạm Văn N trình bày:***

Vào thời điểm năm 2020-2021 ông có làm việc cho ông Kiều Viết V, ông V là chủ thuê ông làm việc ở kho còn bà Vũ Thị Tố N ông biết là vợ ông V. Ông làm việc thông qua sự phân công của ông V, ông không có quan hệ gì với ông H, ông chỉ biết ông H qua công việc tại vườn nhà ông V. Ông có chăm sóc vườn cam cho ông V vào khoảng đầu năm 2020 tới giữa năm 2021, tại thôn T, xã H,

huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Ông biết ông H làm kỹ thuật cho ông V, ông có làm việc với ông H, ông H nhập phân, thuốc, nhân công từ miền Tây lên để xử lí chăm sóc vườn cam cho ông V. Việc thỏa thuận dịch vụ kỹ thuật chăm sóc vườn cây giữa ông H và ông V thì ông không biết rõ, ông chỉ biết thực tế ông làm ở kho thì ông H nhập phân, thuốc vào kho và đưa nhân công vào chăm sóc vườn cây thì ông có biết. Hiện nay theo ông, ông V còn nợ tiền phân, thuốc và nhân công đối với ông H số tiền khoảng ngoài 200.000.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 15/2022/DSST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 513, 515, 520 Bộ luật dân sự;

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H.

Buộc ông Kiều Viết V và bà Vũ Thị Tố N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Minh H các khoản chia phần trăm tiền bán trái cây vụ 1 (từ tháng 11 đến tháng 12/2020) là: 636.450.000 đồng; tiền bồi thường do đơn phương hủy hợp đồng dịch vụ chăm sóc kỹ thuật vườn cây là: 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng). Tổng cộng là 3.636.450.000 đồng (ba tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Khấu trừ số tiền ông Kiều Viết V đã thanh toán cho ông Nguyễn Minh H là: 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng), ông Kiều Viết V và bà Vũ Thị Tố N còn phải trả cho ông Nguyễn Minh H số tiền là: 3.601.450.000 đồng (ba tỷ sáu trăm lẻ một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2022, ông Kiều Viết V, bà Vũ Thị Tố N kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DSST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm để tiến hành giải quyết lại.

**** Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm người làm chứng bà Nguyễn Thị U trình bày:***

Bà U không có quan hệ gì với ông Nguyễn Minh H và ông Kiều Viết V. Do bà làm nghề mua bán trái cây nên có quen biết ông H và ông V, bà được biết ông V có vườn cây ăn trái tại tỉnh Đắk Lắk nên đã nhiều lần đến mua trái cây, trong những lần bà đến mua thì biết vườn cam của ông V ra trái không năng suất, ông V đã nhờ bà giới thiệu người biết kỹ thuật để hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc vườn cây cho ông V nên khoảng tháng 6/2020 bà đã giới thiệu ông H là người có kỹ thuật chăm sóc các loại cây có múi làm việc với ông V. Sau đó giữa

ông H và ông V đã thỏa thuận ký kết hợp đồng và thực hiện công việc như thế nào bà không rõ.

Đến ngày 07/01/2021 bà có đến thành phố B gặp ông V để đòi tiền ông V đã vay của bà trước đây và bà đã gặp ông H cùng ông V tại 01 quán cà phê tại thành phố B nhưng không nhớ rõ địa chỉ quán. Tại đây ông V có nói do ông H làm chết cây trồng của ông V nên ông V không muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng nữa, ông V xin được hủy hợp đồng với ông H, nhưng trước đây khi nói chuyện điện thoại với bà ông V có nói ông H đang chăm sóc vườn cây rất tốt. Nên khi bà nghe ông V nói như vậy thì bà nói lại nếu muốn hủy hợp đồng thì ông V phải bồi thường cho ông H theo hợp đồng, ông V đồng ý bồi thường nhưng xin được thỏa thuận lại mức bồi thường với ông H. Lúc này ông H có ý kiến đồng ý hủy hợp đồng với điều kiện ông V phải trả ngay cho ông H số tiền 200.000.000 đồng ông H đã mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để đầu tư cho vườn cây của ông V trước đây và ông V phải trả thêm khoản tiền 300.000.000 đồng là tiền công mà ông H đã chăm sóc vườn cây cho ông V. Lúc đó các bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau không lập biên bản gì, ông V nói 01 đến 02 ngày sau ông V sẽ chuyển tiền trả cho ông H, ngay ngày 07/01/2021 hai bên thống nhất hủy hợp đồng lo kỹ thuật giữa ông V và ông H, sau đó ông V đã không thực hiện đúng thỏa thuận với ông H.

**** Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm người làm chứng ông Nguyễn Mạnh H trình bày:***

Từ khoảng tháng 3/2020 đến tháng 4, 5/2021 ông H có làm quản lý toàn bộ vườn trái cây cho Kiều Viết V tại thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Công việc của ông H là phân công công việc cho công nhân đi làm hàng ngày. Trong thời gian làm việc tại vườn cây của ông V thì ông H có biết việc ông Nguyễn Minh H lên làm kỹ thuật vườn cây từ khoảng đầu tháng 7/2020, ông H thường làm việc chính với ông Phạm Văn N là phó quản lý vườn.

Vào ngày 20/7/2020 ông V thông báo việc sẽ thuê ông H làm kỹ thuật chăm sóc vườn cây, ông V có tiến hành họp thông báo cho các hộ dân là những người ký hợp đồng hợp tác đầu tư với ông V, sau khi được thông báo thì tôi và các hộ dân đều đồng ý việc này. Khoảng 01 tuần sau khi họp đến ngày 27/7/2020 ông H chính thức đến làm việc tại vườn cây. Mặc dù không làm việc trực tiếp với ông H nhưng ông H biết thời gian và công việc cụ thể của ông H là ông H sẽ đi thăm các vườn cây, lên đơn thuốc, phân bón… cụ thể cho từng vườn cây, ông H sẽ lên thăm và làm việc tại vườn cây khoảng 02 đến 03 ngày trên 01 tuần. Đến khoảng tháng 10/2020 ông V thông báo do dịch bệnh ông H không lên làm việc được, ông H cũng chỉ được nghe ông H thông báo như vậy chứ không tham gia họp. Sau đó khoảng tháng 11, 12/2020 ông H có thấy ông H lên huyện B nhưng ông H lên làm gì ông H không rõ.

Đến tháng 4, 5/2021 ông H nghỉ việc không làm tại vườn cây của ông V nữa nên không biết ông H có còn tiếp tục làm việc tại vườn cây hay không. Về hợp đồng giữa ông H và ông V như thế nào ông H không biết.

**** Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm người làm chứng ông Nguyễn Đức P, bà Bùi Thị L, Ông Lê N, bà Lữ Thị C trình bày:***

Ông P, bà L, ông N, bà C đều là những người có ký hợp đồng hợp tác đầu tư với vợ chồng ông V vào tháng 3/2017. Theo nội dung hợp đồng ông P, bà L, ông N, bà C có trách nhiệm quản lý, chăm sóc vườn trái cây trên từng diện tích đất cụ thể của vợ chồng ông V tại thôn T, xã H, huyện B. Công việc theo thỏa thuận giữa ông V và các hộ gia đình là các hộ gia đình chỉ chịu trách nhiệm bỏ công chăm sóc vườn cây. Các hợp đồng hợp tác đầu tư đều do ông V soạn thảo nội dung, không qua công chứng, chứng thực riêng hợp đồng của vợ chồng ông Lê N được chứng thực tại Văn phòng công chứng Đ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 20/7/2020 ông V có thông báo cho các hộ dân việc sẽ thuê ông Nguyễn Minh H làm kỹ thuật, hướng dẫn việc chăm sóc các loại cây trồng trên diện tích đất mà các hộ dân quản lý. Vào ngày 20/7/2020 khi ông V thông báo việc thuê ông H thì có tổ chức cuộc họp với các hộ dân có ký hợp đồng hợp tác với vợ chồng ông V. Khi được ông V thông báo sự việc thì các hộ dân đều đồng ý và cùng ký tên tại biên bản họp.

Sau đó đến ngày 27/7/2020 thì ông H chính thức đến làm việc, ông V có dẫn ông H đến giới thiệu với các hộ. Và ông H đã đi thăm toàn bộ vườn cây của các hộ gia đình, hướng dẫn kỹ thuật, lên đơn thuốc bảo vệ thực vật, phân bón cho từng vườn cây. Trong thời gian này ông H không ở thường xuyên tại vườn cây mà thường lên làm việc tại vườn trong khoảng 02 đến 03 ngày rồi về, sau đó 01 tuần thì ông H mới lên vườn lại để theo dõi và lên đơn thuốc mới.

Đến ngày 23/10/2020 thì ông V chính thức họp các hộ dân thông báo việc ông H không thể đến vườn cây để tiếp tục công việc do dịch bệnh covid-19, trong thời gian tới ông V tạm thời thay ông H chăm sóc kỹ thuật cho vườn cây, đến khi ông H lên làm việc lại thì sẽ bàn giao lại, tại cuộc họp có lập biên bản và các hộ dân tham gia đều ký tên đồng ý.

Từ đó cho đến nay các hộ dân không thấy ông H quay lên làm việc lại. Về hợp đồng lo kỹ thuật giữa ông H và vợ chồng ông Vn có nội dung thỏa thuận như thế nào thì các hộ dân không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự xét thấy án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn bồi thường hợp đồng 3.000.000.000 đồng là chưa đủ căn cứ. Án sơ thẩm chưa thu thập đủ tài liệu, chứng cứ, giải quyết vụ án chưa toàn diện, triệt để làm ảnh hưởng đến quyềnn, lợi ích hợp pháp của các đương sự, nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Kiều Viết V, bà Vũ Thị Tố N. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân

huyện Buôn Đôn, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm và được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

- Về thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự nếu bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn cố tình vắng mặt thì vụ án không tiến hành hòa giải được, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, khi Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất ngày 23/02/2022 bị đơn vắng mặt, cấp sơ thẩm vẫn tiến hành hòa giải là vi phạm khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự và cấp sơ thẩm cũng chỉ tiến hành hóa giải 01 lần là thiếu xót. Bị đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng cấp sơ thẩm không thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ là vi phạm Điều 70, 72, điểm c khoản 1 Điều 209, Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 01/7/2022 Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ, nhưng không giao quyết định và thông báo cho đương sự là vi phạm Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự vắng mặt khi thẩm định nhưng không thông báo kết quả thẩm định cho họ là vi phạm Điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 04/5/2022 ban hành Quyết định tạm đình chỉ số 01/2022/QĐST-DS và ngày 01/7/2022 ban hành Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 01/2022/QĐST-DS nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không giao các quyết định này cho đương sự là vi phạm Điều 214, 216 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Khi tiến hành lấy lời khai của các đương sự, người làm chứng có sự mâu thuẫn với nhau nhưng cấp sơ thẩm đã không tiến hành đối chất làm rõ, là vi phạm Điều 100 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, khảo sát vườn cây, đương sự có đơn yêu cầu trưng cầu giám định vườn cây, cấp sơ thẩm đã thu chi phí tố tụng theo quy định. Tuy nhiên, tại Bản án sơ thẩm lại không tuyên xử lý đối với các khoản chi phí tố tụng này là vi phạm Điều 158, 162 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án và nội dung kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng ngày 07/01/2021 ông Kiều Viết V đơn phương tuyên bố chấm dứt hợp đồng dịch vụ số 01-2020/HĐCSVC với ông Nguyễn Minh H với

lý do ông V nói đã nắm được kỹ thuật, kinh nghiệm, phương pháp chăm sóc cây Cam, Bưởi Da Xanh, không cần liên kết với ông H và cam kết bồi thường hợp đồng. Bị đơn không thừa nhận đã đơn phương chấm dứt hợp đồng mà cho rằng nguyên đơn tự ý bỏ việc.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị U ngày 31/3/2023 thể hiện nội dung: Ông Kiều Viết V xin được hủy hợp đồng lo kỹ thuật với ông Nguyễn Minh H, tuy nhiên khi ông V đưa ra yêu cầu hủy hợp đồng thì ông H biết và hai bên thỏa thuận về nội dung hủy hợp đồng này nhưng các bên không lập thành văn bản. Như vậy, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng có mâu thuẫn với nhau chưa được làm rõ nên cần tiến hành đối chất để làm rõ lỗi vi phạm hợp đồng của các bên.

[2.2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn:

- Bị đơn ông V cho rằng ông H chỉ làm kỹ thuật cho vườn cây khoảng 2,5 tháng và tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không báo trước nên không có căn cứ chấp nhận việc hưởng lợi nhuận từ vườn cây theo vụ mùa tháng 12/2020 đến vụ cuối năm 2021 và được bồi thường thiệt hại. HĐXX xét thấy:

Tại Tòa án cấp sơ thẩm bị đơn ông V, bà N không có chứng cứ chứng minh cho việc nguyên đơn ông H tự ý chấm dứt hợp đồng mà không báo trước, ông V, bà N cho rằng Tòa án không triệu tập một số người liên quan biết rõ việc ông H tự ý bỏ về không thực hiện công việc theo thỏa thuận là vi phạm Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án ông V không cung cấp họ tên, địa chỉ của những người làm chứng này theo quy định của pháp luật nên Tòa án không tiến hành triệu tập những người này tham gia tố tụng được. Tuy nhiên, tại Tòa án cấp phúc thẩm ông V đã cung cấp thông tin của những người làm chứng, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai theo quy định, tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai của những người làm chứng ông Nguyễn Đức P, bà Bùi Thị L, Ông Lê N, bà Lữ Thị C, ông Nguyễn Mạnh H thể hiện nội dung những người làm chứng biết việc ông V thuê ông H làm kỹ thuật chăm sóc vườn cây, biết thời gian ông H đã làm việc tại vườn cây từ ngày 27/7/2020 đến khoảng ngày 23/10/2020 là ngày ông V chính thức thông báo cho các hộ dân biết việc ông H không thể lên tiếp tục thực hiện công việc được. Vì đây là những người trực tiếp ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư với vợ chồng ông V, làm công việc chính là quản lý và bỏ công chăm sóc diện tích vườn cây được giao theo thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác đầu tư. Nhưng người làm chứng không biết nội dung hợp đồng, lý do hủy hợp đồng giữa ông H và ông V. Trong quá trình lấy lời khai người làm chứng bà Lữ Thị C cho rằng: *"Đến giữa tháng 10/2020 do vườn cây của tôi bị sâu bệnh nên tôi có gọi điện thoại trực tiếp cho ông H để hỏi thì ông H trả lời cháu nghỉ rồi nên tôi có hỏi lại ông V việc này."*. Và ông Nguyễn Đức P cho rằng: *"Đến ngày 20/10/2020 tôi có gọi điện thoại trực tiếp cho ông H nhờ mua cây giống và cấp thuốc cho vườn cây của tôi nhưng ông H nói do dịch bệnh nên ông không thể lên được."*. Những lời khai này của người làm chứng không được nguyên đơn ông H thừa nhận. Lời khai của nguyên đơn, người làm chứng có mâu thuẫn với nhau chưa được làm rõ nên cần tiến hành đối chất để làm rõ thời gian làm việc tại vườn cây của ông H.

Bên cạnh đó, tại biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh đối với người làm chứng ông Phạm Văn N có nội dung: "Tôi có tham gia chăm sóc vườn cam của ông V vào khoảng đầu năm 2020 tới giữa năm 2021 tại thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Tôi biết ông H làm kỹ thuật vườn cây cho ông V, tôi có làm việc với ông H, ông H nhập phân thuốc, nhân công từ miền tây lên để xử lý vườn cam cho ông V…". Vậy, ông H có thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng số 01-2020/HĐCSVC ngày 26/7/2020 trên thực tế và ông V cũng đã chuyển trả cho ông H số tiền 35.000.000 đồng. Tại Tòa án cấp phúc thẩm nguyên đơn ông H cung cấp sổ phụ tài khoản từ ngày 01/8/2021 đến ngày 31/8/2022 thể hiện ngày 01/12/2021 ông V đã chuyển đến tài khoản của ông H số tiền 35.000.000 đồng, nhưng không thể hiện nội dung số tiền này được chuyển trả cho khoản tiền nào. Vì vậy, cần làm rõ số tiền 35.000.000 đồng bị đơn ông V chuyển trả cho ông H để thanh toán cho khoản tiền nào.

- Bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không hoãn phiên tòa vẫn tiến hành xét xử khi bị đơn vắng mặt lần thứ nhất. HĐXX xét thấy, bị đơn ông V xác định vợ chồng ông có nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-DS ngày 04/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn. Khi nhận quyết định xét xử ông V, bà N có đến tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa lần đầu do vắng mặt những người làm chứng nên Tòa án đã hoãn phiên tòa, sau đó ấn định lại thời gian mở phiên tòa nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ 2 do công việc bận rộn, vợ chồng ông V, bà N đã quên không đến Tòa án tham gia phiên tòa. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

- Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm cần đảm bảo thủ tục tố tụng khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với vườn cây ăn trái theo hợp đồng số 01-2020/HĐCSVC ngày 26/7/2020 giữa ông Nguyễn Minh H và ông Kiều Viết V để xác định số lượng, độ tuổi, năng suất cây trồng làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chứng minh và thu thập chứng cứ không theo đúng quy định tại Chương VII của Bộ luật tố tụng dân sự, chưa thực hiện đầy đủ và tại phiên tòa phúc thẩm phát sinh các tình tiết mới, người làm chứng mới cần làm rõ nhưng không thể thực hiện bổ sung, khắc phục được.

Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Kiều Viết V, bà Vũ Thị Tố N và ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DSST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do bản án dân sự sơ thẩm bị hủy toàn bộ nên án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được giải quyết lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Kiều Viết V, bà Vũ Thị Tố N không phải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Kiều Viết V, bà Vũ Thị Tố N – Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DSST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục chung.

[2] Về án phí và chi phí tố tụng:

[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do bản án dân sự sơ thẩm bị hủy toàn bộ nên án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được giải quyết lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho ông Kiều Viết V, bà Vũ Thị Tố N 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0019141, ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND H. Buôn Đôn;*
- *Chi cục THADS H. Buôn Đôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung